

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2026/HS- PT**

Ngày: 25/5/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**.

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân** và ông **Trần Đức Kiên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2026/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo Nguyễn Sĩ K, Đỗ Thị L1, Lê Nguyễn Đông Q, về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Sĩ K, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1974, tại Quảng Nam nay là Đà Nẵng; số định danh cá nhân: 049074015444; nơi cư trú: 4 đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Đỗ Thị V; có vợ và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/5/2025, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ khởi tố bị can và bắt tạm giam (bắt ngày 16-5-2025) về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo Quyết định số 368/QĐ-VPCQCSĐT. Có mặt.

2. Đỗ Thị L1, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1989, tại Quảng Nam nay là Đà Nẵng; số định danh cá nhân: 049189008759; nơi cư trú: thôn K, xã Đ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Phú Đ và bà

Đặng Thị S; có chồng và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện đang được tại ngoại. Có mặt.

3. Lê Nguyễn Đông Q, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1991, tại Đà Nẵng; số định danh cá nhân: 048091008190; nơi cư trú: C đường P, tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H1; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện đang được tại ngoại. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Nguyễn Sĩ K: Ông Nguyễn Công T, là Luật sư Công ty L2. Địa chỉ: B T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Đỗ Thị L1: Bà Trần Thị D - Luật sư Công ty L3, Đoàn luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: số B đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Sỹ Minh T1, Trần Văn B; các nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Ngày 11/5/2022, Nguyễn Sĩ K thành lập Công ty cổ phần M với vốn điều lệ đăng ký là 100 tỷ đồng; K đăng ký sở hữu cho em vợ là Võ Thị Hồng N 30% cổ phần, Lê Nguyễn Đông Q 02% cổ phần và con trai K là Nguyễn Sỹ Minh T1 sở hữu 68% cổ phần; đồng thời, để đăng ký cho T1 đứng tên làm người đại diện theo pháp luật và giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Ngoài ra, ngày 23/8/2022, K còn thành lập Công ty cổ phần M với vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng; Khoa đăng ký sở hữu cho Nguyễn Sỹ Minh T1 40,9% cổ phần, Lê Nguyễn Đông Q đứng tên 0,1% cổ phần và Võ Thị Hồng N 59% cổ phần; đồng thời, để cho N làm người đại diện theo pháp luật và giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

- Ngày 18/10/2024, Công ty Đ1 tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản cát xây dựng tại điểm mỏ ĐB2B thuộc xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) cho Ủy ban nhân dân thị xã Đ; mức giá khởi điểm $R=5\%$ (1.214.240.625 đồng), tiền đặt trước 242.800.000 đồng, bước giá $16\%R=0,8\%$. Có 35 doanh nghiệp làm hồ sơ nộp tham gia đấu giá, qua xét duyệt có 04 doanh nghiệp bị loại, 03 doanh nghiệp không tham gia đấu giá, còn lại tổng cộng 28 doanh nghiệp tham gia. Đến rạng sáng ngày 19/10/2024 cuộc đấu giá mới kết thúc, Công ty cổ phần M là doanh

nghiệp trả giá cao nhất với giá đã trả là $R=1534,6\%$ (tương ứng 372.674.732.625 đồng), tăng 306,92 lần so với giá khởi điểm.

Kết quả điều tra, xác định:

- Hồ sơ kê khai thuế, báo cáo tài chính năm 2023 (*đã kê khai vào quý 01-2024*) của Công ty cổ phần M và Công ty cổ phần M thể hiện vốn chủ sở hữu của mỗi Công ty là 01 tỷ đồng. Trước khi tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại điểm mỏ ĐB2B, Nguyễn Sĩ K chỉ đạo Đỗ Thị L1 là Kế toán của 02 Công ty lập hồ sơ kê khai thuế bổ sung, trong đó bổ sung báo cáo tài chính năm 2023 với nội dung nâng vốn góp chủ sở hữu bằng tiền mặt của Công ty cổ phần M từ 01 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng (*vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 100 tỷ đồng nhưng L1 nhằm lẫn vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng*) và Công ty cổ phần M từ 01 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Hồ sơ kê khai bổ sung (*hồ sơ kê khai thuế điện tử*) đã được cơ quan thuế thông báo chấp nhận. Sau đó L1 in ra ký, đóng dấu rồi gửi cùng các tài liệu khác vào tập hồ sơ năng lực để tham gia đấu giá cho 02 Công ty và nộp cho Công ty Đ1. Khi lập báo cáo tài chính của Công ty cổ phần M, L1 có gọi điện thoại cho Nguyễn Sỹ Minh T1 và được sự đồng ý của T1 nên L1 đã ký giả 03 chữ ký của T1 vào bản báo cáo tài chính và các phụ lục; còn đối với báo cáo tài chính của Công ty cổ phần M thì L1 in ra đưa cho Võ Thị Hồng N ký.

- Ngày 18/10/2024, Nguyễn Sĩ K chỉ đạo Nguyễn Sỹ Minh T1 ký giấy ủy quyền cho Trần Văn B (*người thân của gia đình K*) tham gia đấu giá cho Công ty cổ phần M và chỉ đạo Võ Thị Hồng N ký giấy ủy quyền cho Nguyễn Văn H2 (*người thân của gia đình K*) tham gia đấu giá cho Công ty cổ phần M; K còn chỉ đạo, Lê Nguyễn Đông Q tham gia cùng H2 đấu giá cho Công ty cổ phần M còn T1 ở nhà để khi cần thiết sẽ vào tham gia phiên đấu giá thay cho B. Trước khi vào buổi đấu giá, K chỉ đạo Q, B và H2 phải bám theo bước giá, có vấn đề gì thì K sẽ gọi điện thoại hoặc nhắn tin qua ứng dụng Viber. Trong quá trình tham gia đấu giá, B, Q và H2 nhắn tin báo cho K kết quả các vòng đấu, K ở ngoài và trực tiếp điều hành, chỉ đạo việc trả giá lên của 02 Công ty qua điện thoại và tin nhắn trao đổi với B, Q và H2 với nội dung cứ tiếp tục theo một bước giá, nếu người tham gia đấu giá khác đẩy giá cao thì cũng theo một bước giá, không được trả cao đột biến và nhắn tin động viên để khỏi ghi sai số. Sau hơn 100 vòng thì H2 ghi phiếu không hợp lệ (*ghi sai phần số viết bằng chữ*) nên Công ty M bị loại. Đến rạng sáng ngày 19/10/2024, theo yêu cầu của K, T1 vào đấu giá thay cho B; khi đến, T1 có ngồi cùng B đấu giá cho Công ty M được một lúc (*theo chỉ đạo của K yêu cầu T1 vào ngồi cùng với B vài vòng đấu để quan sát nắm được quy trình đấu giá*), sau đó B ra về, chỉ còn T1 đấu giá cho Công ty M. Quá trình đấu giá, T1 cũng gọi điện và nhắn tin trao đổi với K với nội dung báo cho K biết các bước giá, K yêu cầu T1 bám sát bước giá, không được trả cao đột biến. Theo chỉ đạo của K, T1 là người trả giá cao nhất ở vòng thứ 200 với $R=1534,6\%$. Quá trình

trước và trong khi đấu giá, K trực tiếp trao đổi, nhắn tin với cả 04 người gồm: Nguyễn Sỹ Minh T1, Trần Văn B, Lê Nguyễn Đông Q và Nguyễn Văn H2 với nội dung chỉ đạo trả giá lên trong phiên đấu giá; việc có tiếp tục trả giá lên hay dừng trả giá là do K quyết định.

- Khoa và các cá nhân có liên quan (Võ Thị Hồng N, Lê Nguyễn Đông Q, Đỗ Thị L1,...) đã thừa nhận K là chủ sở hữu, quản lý, điều hành quyết định mọi hoạt động của Công ty cổ phần M và Công ty cổ phần M; các cổ đông được K nhờ đứng tên và bản thân K không góp vốn, không tăng vốn góp của chủ sở hữu năm 2023 như trong báo cáo tài chính đã ghi (*Công ty cổ phần M tăng vốn góp của chủ sở hữu trong năm 2023 tăng 199 tỷ đồng và Công ty cổ phần M tăng 149 tỷ đồng*) nhưng thực tế không có ai góp vốn. Đỗ Thị L1 đã thừa nhận việc ký giả 03 chữ ký của T1 trong báo cáo tài chính (*kèm phụ lục*) và 02 chữ ký trong hợp đồng thuê máy móc, phương tiện của Công ty cổ phần M.

Ngày 25/12/2024, Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam đã xử phạt hành chính 17.000.000 đồng đối với Công ty cổ phần M về hành vi “Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá”; ngày 28/5/2025, Thanh tra Sở Tư pháp đã hủy bỏ quyết định xử phạt hành chính trên để Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự khởi tố vụ án. Ngày 07/01/2025, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc hủy kết quả phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với điểm mỏ ĐB2B tại xã Đ, thị xã Đ.

Việc lập hồ sơ không tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản của Công ty cổ phần M dẫn đến phiên đấu giá bị Ủy ban nhân dân thị xã Đ (cũ) ra Quyết định hủy phiên đấu giá trên. Hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội của các đối tượng gây ra cho Nhà nước, Công ty Đ1 và các doanh nghiệp tham gia đấu giá đến nay đã xác định tổng cộng là 144.682.317,915 đồng; trong đó, số tiền thiệt hại có hóa đơn, chứng từ là 61.905.251,645 đồng và số tiền thiệt hại nhưng doanh nghiệp không cung cấp được hóa đơn, chứng từ là 82.777.066,270 đồng. Mặc dù các khoản chi này Công ty Đ1 và các doanh nghiệp tham gia đấu giá không cung cấp được hóa đơn, chứng từ, nhưng đây là các chi phí thực tế, hợp lý cần thiết phải chi phí khi tham gia đấu giá (*xăng xe, in ấn, phô tô, chứng thực hồ sơ, vé máy bay ...*).

Vật chứng thu giữ: 01 Điện thoại hiệu Iphone 14 Pro Max, màu đen, số imei: 350997794643422 của bị cáo Nguyễn Sỹ Minh T1; 01 Điện thoại hiệu Iphone 12 Pro, màu xanh, số imei: 356682111021437, gắn thẻ sim số: 0919716766 của bị cáo Trần Văn B; 01 Điện thoại hiệu Iphone X, màu trắng, số imei: 35672608904909, gắn thẻ sim số: 0969222345 của bị cáo Nguyễn Văn H2.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Trong số các doanh nghiệp bị thiệt hại thì có 02 đơn vị có yêu cầu bồi thường là Công ty TNHH K1 yêu cầu bồi thường 6.295.416 đồng và Công ty Đ1 yêu cầu bồi thường 48.573.848 đồng. Các bị cáo trong vụ án đã tác động gia đình và chủ động nộp tổng số tiền 145.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Căn cứ vào Điều 218 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Sĩ K, Đỗ Thị L1, Lê Nguyễn Đông Q phạm tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”.

2. Căn cứ vào điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 218; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sĩ K 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Sĩ K 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Cấm bị cáo Nguyễn Sĩ K tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ vào điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 218; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị L1 01 (một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Đỗ Thị L1 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Cấm bị cáo Đỗ Thị L1 tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Căn cứ vào điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 218; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Đông Q 01 (một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Cấm bị cáo Lê Nguyễn Đông Q tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Sỹ Minh T1, Trần Văn B; quyết định về xử lý vật chứng, trách nhiệm về bồi thường thiệt hại và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 02/02/2026, bị cáo Nguyễn Sĩ K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.
- Ngày 06/02/2026, bị cáo Đỗ Thị L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền.
- Ngày 03/02/2026, bị cáo Lê Nguyễn Đông Q kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại giai đoạn phúc thẩm:

Các bị cáo cung cấp biên lai của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thể hiện: Bị cáo Đỗ Thị L1 nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000đ tiền phạt bổ sung; Nguyễn Sĩ K nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 50.000.000đ tiền phạt bổ sung; Lê Nguyễn Đông Q nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Q nộp các tài liệu thể hiện vợ bị cáo mới sinh con thứ hai, sinh non vào ngày 05/4/2026, bị tiền sản giật; hiện đang nuôi mẹ già (71 tuổi) mắc các chứng bệnh mạch máu não, đau thần kinh tọa...; bị cáo có cha là ông Lê Văn C là Giảng viên khoa Lịch sử Đảng của Học viện C1 thuộc Học viện C2 đã có nhiều công lao đối với sự nghiệp giáo dục của đất nước và lập nhiều thành tích xuất sắc được nhiều cấp Bộ, ngành tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen; có cha vợ là ông Ngô Trí D1 được tặng Huy chương vì an ninh tổ quốc và Huy chương chiến sĩ vẻ vang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Sĩ K, Đỗ Thị L1, Lê Nguyễn Đông Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho bị cáo Nguyễn Sĩ K 06 tháng tù; cho bị cáo Đỗ Thị L1 và Lê Nguyễn Đông Q hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách do có nhiều tiết mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Sĩ K, Đỗ Thị L1, Lê Nguyễn Đông Q đối với hoạt động bán đấu giá mỏ cát ĐB2B của Công ty Đ1 đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản”, với tình tiết tăng nặng định

khung hình phạt là “*Lập hồ sơ khống, hồ sơ giả tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản*” và “*Thông đồng nâng giá trong hoạt động bán đấu giá tài sản*”, quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Hình sự, như án sơ thẩm đã tuyên là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Sĩ K, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Sĩ K là người khởi xướng, chủ mưu, cầm đầu và giữ vai trò quyết định trong toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Chính bị cáo K là người thành lập, điều hành thực tế 02 Công ty M; chỉ đạo lập hồ sơ tài chính khống nhằm nâng năng lực tài chính của doanh nghiệp; chỉ đạo các bị cáo khác tham gia phiên đấu giá; đồng thời trực tiếp điều hành, kiểm soát việc trả giá trong suốt quá trình đấu giá thông qua điện thoại và ứng dụng nhắn tin.

[2.2] Hành vi của bị cáo K không chỉ xâm phạm đến tính công khai, minh bạch, khách quan trong hoạt động bán đấu giá tài sản mà còn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, kinh doanh và hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản; gây thiệt hại cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đấu giá với số tiền lớn. Tại giai đoạn phúc thẩm thể hiện bị cáo Nguyễn Sĩ K nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 50.000.000đ tiền phạt bổ sung. Tuy nhiên, xét Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo; đồng thời đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại; có nhiều hoạt động thiện nguyện xã hội; gia đình có người có công với cách mạng theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 18 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với vai trò khởi xướng cầm đầu vụ án là không nặng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K và giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo Đỗ Thị L1 và Lê Nguyễn Đông Q, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Đối với bị cáo Đỗ Thị L1: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo là người có trình độ chuyên môn về tài chính - kế toán, nhận thức được việc kê khai bổ sung, lập báo cáo tài chính nâng khống vốn chủ sở hữu là trái quy định pháp luật nhưng vẫn thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Sĩ K; đồng thời còn trực tiếp ký giả chữ ký của Nguyễn Sỹ Minh T1 trong hồ sơ tài chính của Công ty M nhằm hoàn thiện hồ sơ tham gia đấu giá. Do đó, việc cấp sơ thẩm xác định bị cáo giữ vai trò thực hành, giúp sức tích cực cho bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội và

áp dụng điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 218; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Đỗ Thị L1 01 (một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*” là có căn cứ, không nặng.

Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Đỗ Thị L1 đã tự nguyện chấp hành một phần bản án sơ thẩm, nộp đủ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án; thể hiện thái độ tôn trọng pháp luật, có ý thức chấp hành nghĩa vụ và thực sự ăn năn, hối cải sau khi phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, chồng bị cáo hiện đang chấp hành án phạt tù nên mọi trách nhiệm chăm lo gia đình, con cái đều do một mình bị cáo gánh vác. Việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam sẽ ảnh hưởng lớn đến điều kiện chăm sóc, ổn định cuộc sống của gia đình và các con của bị cáo. Đây là tình tiết nhân đạo cần được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Lê Nguyễn Đông Q, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm nhiều tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và có thêm các tình tiết giảm nhẹ mới như: vợ bị cáo vừa sinh con thứ hai ngày 05/4/2026, sinh non, bị tiền sản giật; hiện bị cáo là lao động chính chăm sóc hai con nhỏ và nuôi mẹ già 71 tuổi mắc nhiều bệnh lý cần có sự chăm sóc; cha bị cáo là ông Lê Văn C có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, được nhiều Bộ, ngành tặng thưởng Bằng khen, Giấy khen; cha vợ bị cáo là ông Ngô Trí D1 được tặng Huy chương vì an ninh Tổ quốc và Huy chương Chiến sĩ vẻ vang. Đây là những tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm cần được xem xét áp dụng cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Từ các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Đỗ Thị L1, Lê Nguyễn Đông Q đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, phạm tội không mang tính chuyên nghiệp, hậu quả vụ án đã được khắc phục một phần; đồng thời tại cấp phúc thẩm đã xuất hiện thêm các tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thể hiện khả năng tự cải tạo ngoài xã hội và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà vẫn có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị L1 và Lê Nguyễn Đông Q, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[4] Về dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cung cấp biên lai của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thể hiện: Bị cáo Đỗ Thị L1 nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000đ tiền phạt bổ sung; Nguyễn Sĩ K nộp

200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 50.000.000đ tiền phạt bổ sung; Lê Nguyễn Đông Q nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các khoản tiền này sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Sĩ K; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Sĩ K.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị L1 và Lê Nguyễn Đông Q; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2026/HS-ST ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo Lê Nguyễn Đông Q và Đỗ Thị Lệ .

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Sĩ K, Đỗ Thị L1, Lê Nguyễn Đông Q phạm tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”.

2.1. Căn cứ vào điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 218; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sĩ K 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Sĩ K 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. (Đã nộp); Cấm bị cáo Nguyễn Sĩ K tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 218; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Điều 38; Điều 58; và Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Đông Q 01 (một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/5/2026.

Cấm bị cáo Lê Nguyễn Đông Q tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt: bị cáo Đỗ Thị L1 01 (một) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/5/2026.

Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Đỗ Thị L1 10.000.000 (mười triệu) đồng. (đã nộp);

Cấm bị cáo Đỗ Thị L1 tham gia hoạt động bán đấu giá tài sản trong thời gian 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Giao bị cáo Lê Nguyễn Đông Q cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.4. Giao bị cáo Đỗ Thị L1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.5. Trường hợp bị cáo Lê Nguyễn Đông Q và bị cáo Đỗ Thị L1 thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách được thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2.6. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Nguyễn Đông Q và Đỗ Thị L1 có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về dân sự: số tiền các bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng thể hiện: Bị cáo Đỗ Thị L1 nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000đ tiền phạt bổ sung; Nguyễn Sĩ K nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 50.000.000đ tiền phạt bổ sung; Lê Nguyễn Đông Q nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm sẽ được khấu trừ giai đoạn thi hành án dân sự.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Bị cáo Nguyễn Sĩ K phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm theo qui định pháp luật.

- Bị cáo Lê Nguyễn Đông Q và bị cáo Đỗ Thị L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT-CA TP Đà Nẵng;
- CQTHAHS-CA TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CA TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Trại TG số 1-CA TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn